

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦN GIỜ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST

Ngày: 20/6/2023

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Diễm Châu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nga

2. Ông Hồ Bạch Long

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2022/TLST-DS ngày 25/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh N L, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A Đ, huyện C, Thành phố H

Nơi cư trú: 1979/23/58 khu phố 0, xã P, huyện N, Tp C

- *Bị đơn:* Bà Trương T H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã A Đ, huyện C, Thành phố H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm V B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 8, ấp A, xã A Đ, huyện C, Thành phố H

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trịnh N L trình bày:*

Vào ngày 15/7/2020, bà có cho bà Trương T H mượn số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất theo thỏa thuận, hai bên có lập hợp đồng vay

tiền số 004440 Quyết số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tấn Thành. Tuy nhiên, sau khi bà Trương T H nhận tiền thì Bà H không thanh toán tiền gốc và lãi, bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Bà H trả nhưng cô tình né tránh. Cuối năm 2020, bà gửi đơn tại Công an xã An Thới Đông yêu cầu giải quyết, Bà H và chồng là ông Phạm V B có xác nhận nợ bà L số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng nhưng Bà H và ông B chỉ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc Bà H và ông B có trách nhiệm trả cho bà số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Trương T H có bản khai ngày 20/6/2023, Bà H thừa nhận có nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà và ông B xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm V B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông B cũng không có văn bản phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Trương T H và ông Phạm V B có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Trương T H có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm V B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về tố tụng:*

*- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Trịnh N L khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trương T H. Bà H có nơi cư trú tại Tổ 8, ấp An Hòa, xã An Thới Đông, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*- Về sự vắng mặt của đương sự:*

Nguyên đơn Trịnh N L và bị đơn bà Trương T H có đơn xin vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm V B đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

*[2] Về nội dung:*

*[2.1] Xét Hợp đồng vay tiền:*

Đối với Hợp đồng vay tiền số 004440 Quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tấn Thành giữa bà Trịnh N L cho bà Trương T H vay số tiền 300.000.000 đồng; hợp đồng vay tiền đã được công chứng tuân thủ về hình thức và nội dung, các bên tự nguyện giao dịch không trái đạo đức và vi phạm pháp luật nên có hiệu lực.

*[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Theo nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền số 004440 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tấn Thành có nêu tại Điều 1 “Hai bên cùng thỏa thuận là Bên A cho bên B vay số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, Điều 2 “Thời hạn vay là 01 (một) năm kể từ ngày hợp đồng này được chứng nhận” và Điều 4 “... Bên B có nghĩa vụ trả lãi suất và vốn đúng theo thời hạn nêu trên, nếu đến hạn mà Bên B không trả đủ số tiền vốn theo quy định cho bên A mà hai bên không thỏa thuận nào khác thì Bên A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục cần thiết để thu hồi số tiền trên cho bên A theo luật định...”. Bà Hcũng đã thừa nhận có vay bà L số tiền 300.000.000 đồng, ông Bcũng xác nhận việc Bà H có nợ của bà Lnên ông Bình, Bà Hthống nhất sẽ trả số nợ trên nhưng xin được trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc Bà Hvà ông Bcùng có trách nhiệm hoàn trả số nợ 300.000.000 đồng và trả 01 lần là có cơ sở. Bởi, Bà H đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 4 của Hợp đồng nên đã quá thời hạn 01 năm bà L có quyền khởi kiện. Bà H có ý kiến xin trả dần mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác đối với bà Loan. ông Bcũng đã thống nhất trả nợ cùng Bà Hnên bà Lyêu cầu ông Bcùng liên đới trả nợ là phù hợp. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Loan, ghi nhận việc bà Lkhông yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên.

*[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí;

Bị đơn Trương T H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm V B phải chịu án phí nhưng được miễn nộp theo qui định do thuộc diện hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 119, Điều 398, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 6, 7, 7b, 9 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh N L đối với bà Trương T H và ông Phạm V B.

Buộc bà Trương T H và ông Phạm V B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh N L số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hủy Hợp đồng vay tiền số 004440 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Tấn Thành.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trương T H và ông Phạm V B không phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả cho bà Trịnh N L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0045982 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Diễm Châu**